

Số: 829/2022/DS-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hồng Nga

2. Ông Nguyễn Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 140/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2022/QĐST-DS ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: Số 35 H, phường L, quận H, Tp. Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Hoàng V là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2022). (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Đức H

Địa chỉ: 489A/23/58 H, Phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2021 của Ngân hàng TMCP Đ và quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Hoàng V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 185/2018/11329690/HĐTD ngày 07/8/2018, và Bảng kê rút vốn số 185.01/2018/11329690/HĐTD ngày 08/8/2018, Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là B) – Chi nhánh H đã cho ông Trần Đức H vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất theo điều chỉnh của Ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Trần Đức H đã thế chấp cho B quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 899, thuộc tờ bản đồ số 47 tại xã X, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 09/4/2022 ông H chỉ thanh toán được 243.950.000 đồng và không thanh toán nữa nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Nay B khởi kiện yêu cầu ông Trần Đức H thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là 6.451.505.953 đồng, trong đó gốc là 4.756.050.000 đồng, lãi trong hạn 1.634.667.383 đồng và lãi quá hạn là 60.788.570 đồng, thi hành làm một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 899, thuộc tờ bản đồ số 47 tại xã X, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00989 do UBND huyện H cấp ngày 20/12/2011 cho ông Trần Đức H.

Ngoài ra, kể từ ngày 30/9/2022, ông Trần Đức H còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị Xuân Ánh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ông Trần Đức H có ký hợp đồng tín dụng và thế chấp như lời trình bày của đại diện B, ông H cũng đã trả cho B số tiền 243.950.000 đồng. Do tình hình kinh tế khó khăn nên ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của ông H. Nay B khởi kiện thì ông H không đồng ý phương án trả nợ và phát mãi tài sản thế chấp, đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và có phương án giãn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Trần Đức H có nơi cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Trần Đức H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 185/2018/11329690/HĐTD ngày 07/8/2018, và Bảng kê rút vốn số 185.01/2018/11329690/HĐTD ngày 08/8/2018, Ngân hàng TMCP Đ (gọi tắt là B) – Chi nhánh H đã cho ông Trần Đức H vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 240 tháng, lãi suất theo điều chỉnh của Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 09/4/2020 ông H chỉ thanh toán được 243.950.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông H cũng xác nhận như trên. Đề nghị B tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng và có phương án giãn nợ cho ông H. Tuy nhiên cho đến hôm nay, ông H vẫn không thanh toán thêm bất kỳ kỳ hạn thanh toán nào.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Trần Đức H thanh toán số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 6.451.505.953 đồng, trong đó gốc là 4.756.050.000 đồng, lãi trong hạn 1.634.667.383 đồng và lãi quá hạn là 60.788.570 đồng. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 47/2018/11329690/HĐBĐ ngày 07/8/2018. Hội đồng xét xử thấy nội dung hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, đã được công chứng và đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào các Điều 299, 320, 322 Bộ luật dân sự, trong trường hợp ông Trần Đức H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì B được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 899, thuộc tờ bản đồ số 47 tại xã X, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00989 do UBND huyện H cấp ngày 20/12/2011 cho ông Trần Đức H để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ngân hàng TMCP Đ tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Phí và Lệ phí năm 2015, ông Trần Đức H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 299, 320 và Điều 322 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP Đ.

1.1. Buộc ông Trần Đức H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 6.451.505.953 (*Sáu tỷ bốn trăm năm mươi một triệu năm trăm lẻ năm ngàn chín trăm năm mươi ba*) đồng (trong đó nợ gốc là 4.756.050.000 đồng, lãi trong hạn 1.634.667.383 đồng và lãi quá hạn là 60.788.570 đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 185/2018/11329690/HĐTD ngày 07/8/2018.

1.2. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Đức H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà ông Trần Đức H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

1.4. Ngay sau khi ông Trần Đức H trả xong khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Đức H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00989 do UBND huyện H cấp ngày 20/12/2011.

1.5. Trong trường hợp ông Trần Đức H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 899, thuộc tờ bản đồ số 47 tại xã X, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00989 do UBND huyện H cấp ngày 20/12/2011 cho ông Trần Đức H để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

- Ông Trần Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.451.505 (*Một trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn năm trăm lẻ năm*) đồng.

- Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.812.000 (*Năm mươi sáu triệu tám trăm mười hai ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0019693 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Út